

\_\_\_\_\_Мединский В. Е.

**QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT HỒ SƠ DỰ THẦU**  
**ĐƠN HÀNG TƯ VẤN THIẾT KẾ PHỤC HỒI HỒ SƠ SÂN BAY TRỰC THĂNG TRÊN TÀU TRƯỜNG SA NĂM 2026**  
**ПРОЦЕДУРА ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ**

**ЗАЯВКА НА ОКАЗАНИЕ КОНСУЛЬТАТИВНЫХ УСЛУГ ДЛЯ СОСТАВЛЕНИЯ ПРОЕКТА ПО ВОССТАНОВЛЕНИЮ ДОКУМЕНТАЦИИ НА**  
**ВЕРТОЛЕТНУЮ ПЛОЩАДКУ СУДНА «TRUONG SA» В 2026 ГОДУ**

STT		Nội dung đánh giá	Phụ lục	Nhà thầu 1	Nhà thầu 2
No		Содержание	Приложение	Участник тендера 1	Участник тендера 2
I		Quy trình đánh giá hồ sơ dự thầu	Phụ lục 1		
		Процедура оценки тендерных предложений	Приложение 1		
II		Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu:			
		Критерии оценки тендерных предложений:			
	II.1	Đánh giá điều kiện tiên quyết HSDT:	Phụ lục 2	Đạt/Không đạt	Đạt/Không đạt
		Оценка исключительных условий тендерных предложений:	Приложение 2	Соотв./Не соотв.	Соотв./Не соотв.
		2.1.1 Đánh giá năng lực kỹ thuật của nhà thầu		Đạt/Không đạt	Đạt/Không đạt
		Оценка технических возможностей и опыта подрядчиков		Соотв./Не соотв.	Соотв./Не соотв.
		2.1.2 Đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu		Đạt/Không đạt	Đạt/Không đạt
		Оценка опыта подрядчиков		Соотв./Не соотв.	Соотв./Не соотв.
	II.2	Đánh giá chi tiết kỹ thuật HSDT của các nhà thầu:	Phụ lục 3	Đạt/Không đạt	Đạt/Không đạt
		Подробная техническая оценка тендерных предложений подрядчиков:	Приложение 3	Соотв./Не соотв.	Соотв./Не соотв.
III		Lựa chọn nhà thầu đạt tiêu chí kỹ thuật		Đạt/Không đạt	Đạt/Không đạt
		Выбор победителя тендера, тендерное предложение которого соответствует по техническим критериям		Соотв./Не соотв.	Соотв./Не соотв.

**Tổ chuyên gia/Рабочая группа:**  
**Trưởng P. BDKT-SC**  
**Начальник ОТОиР**

**Mai Phương Nam**

STT		Nội dung đánh giá	Phụ lục	Nhà thầu 1	Nhà thầu 2
No		Содержание	Приложение	Участник тендера 1	Участник тендера 2

**Phó P. BDKT-SC**  
**Зам. Начальника ОТОиР**

**Phạm Văn Hùng**

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Lưu Hoài Sơn**

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Trần Văn Hà**

**Kỹ sư P. BDKT-SC**  
**Инженер ОТОиР**

**Nguyễn Đàm Thọ**



**QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT HỒ SƠ DỰ THẦU**  
**ĐƠN HÀNG TƯ VẤN THIẾT KẾ PHỤC HỒI HỒ SƠ SÂN BAY TRỰC THĂNG TRÊN TÀU TRƯỜNG SA NĂM 2026**  
**ПРОЦЕДУРА ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ**

**ЗАЯВКА НА ОКАЗАНИЕ КОНСУЛЬТАТИВНЫХ УСЛУГ ДЛЯ СОСТАВЛЕНИЯ ПРОЕКТА ПО ВОССТАНОВЛЕНИЮ**  
**ДОКУМЕНТАЦИИ НА ВЕРТОЛЕТНУЮ ПЛОЩАДКУ СУДНА «TRUONG SA» В 2026 ГОДУ**

Quy trình đánh giá kỹ thuật HSDT của nhà thầu được tiến hành theo các bước sau:

Процедуры оценки технических условий тендерных предложений осуществляются в следующем порядке:

<b>II</b>	<b>II.1</b>	<b><u>Đánh giá điều kiện tiên quyết:</u></b> <b><u>Оценка предварительных условий:</u></b>	<b>Kết luận</b> <b>Заключение</b>
		Đánh giá điều kiện tiên quyết của các nhà thầu được tiến hành theo các bước sau :	
		Oценка предварительных условий тендерных предложений осуществляется в следующем порядке:	
		<b>2.1.1</b> <b>Đánh giá năng lực kỹ thuật nhà thầu:</b> <b>Оценка технических возможностей подрядчиков</b> Nhà thầu đạt tất cả tiêu chí năng lực kỹ thuật thì được tiếp tục xem xét ở bước 2.1.2 Подрядчик удовлетворяет всем критериям оценки технических возможностей подрядчиков, его тендерное предложение будет рассматриваться в п 2.1.2	Đạt/không đạt Соотв./Не соотв.
	<b>II.2</b>	<b>2.1.2</b> <b>Đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu:</b> <b>Оценка опыта подрядчиков:</b> Nhà thầu đạt tất cả tiêu chí kinh nghiệm của nhà thầu thì được tiếp tục xem xét ở bước II.2 Подрядчик удовлетворяет всем критериям оценки опыта подрядчиков, его тендерное предложение будет рассматриваться в п. II.2	Đạt/không đạt Соотв./Не соотв.
		<b><u>Đánh giá chi tiết kỹ thuật HSDT của các nhà thầu:</u></b> <b><u>Подробная техническая оценка тендерных предложений подрядчиков:</u></b>	Đạt/không đạt Соотв./Не соотв.
		Đánh giá chi tiết kỹ thuật HSDT của các nhà thầu được tiến hành theo phụ lục số 3: Подробная техническая оценка тендерных предложений осуществляется в Приложении № 3:	
		Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi được đánh giá không vi phạm điều kiện tiên quyết, không có bất kỳ tiêu chí bắt buộc (R ) nào được đánh giá 0 điểm và có tổng số điểm $\geq 80$ điểm.	Đạt/không đạt
		Предложение оценивается как «Удовлетворительно» ТТ, если оно не нарушает ни одного из дисквалифицированных критериев без каких-либо обязательных критериев (R) оценивается «0» и имеет общий балл $\geq 80$ баллов.	Соотв./Не соотв.

III	<b><u>Lựa chọn nhà thầu đạt tiêu chí kỹ thuật</u></b>		<b>Đạt/không đạt</b>
	<b><u>Выбор победителя тендера, тендерное предложение которого соответствует техническим критериям</u></b>		<b>Соотв./Не соотв.</b>
		Nhà thầu đạt tất cả các tiêu chí trên thì được coi là đạt tiêu chí kỹ thuật Подрядчик, тендерное предложение которого отвечает всем вышеуказанным критериям, считается соответствующим техническим критериям.	

**Tổ chuyên gia/Рабочая группа:**

<b>Trưởng P. BDKT-SC</b> <b>Начальник ОТОиР</b>	<b>Mai Phương Nam</b>
<b>Phó P. BDKT-SC</b> <b>Зам. Начальника ОТОиР</b>	<b>Phạm Văn Hùng</b>
<b>Chuyên viên P. BDKT-SC</b> <b>Специалист ОТОиР</b>	<b>Lưu Hoài Sơn</b>
<b>Chuyên viên P. BDKT-SC</b> <b>Специалист ОТОиР</b>	<b>Trần Văn Hà</b>
<b>Kỹ sư P. BDKT-SC</b> <b>Инженер ОТОиР</b>	<b>Nguyễn Đàm Thọ</b>



**Đánh giá điều kiện tiên quyết HSĐT**  
**Оценка предварительных условий тендерных предложений**

STT No	STT Quy trình П/п процедуры	Nội dung Содержание	Kết luận Заключение
I	II.1	Đánh giá điều kiện tiên quyết bao gồm:	
		Оценка предварительных условий тендерных предложений включает:	
	2.1.1	<b>Đánh giá năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu</b>	<b>Đạt/không đạt</b>
		<b>Оценка технических возможностей и опыта подрядчиков</b>	<b>Соотв./Не соотв.</b>
	2.1.1.1	- Nhà thầu là công ty có tư cách pháp nhân trong lĩnh vực tư vấn thiết kế tàu thủy, Công Trình biển; có kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế và tư vấn giám sát tàu thủy, Công Trình biển.	Đạt
		Подрядчиком является компанией со статусом юридического лица, специализирующаяся в области оказания консультинговых услуг, связанных с проектированием судов, морских объектов; имеет опыт оказания консультинговых услуг в области проектирования и технадзора за судами, морскими объектами	Соотв.
		- Nhà thầu là công ty không có tư cách pháp nhân trong lĩnh vực tư vấn thiết kế tàu thủy, Công Trình biển; KHÔNG có kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế và tư vấn giám sát tàu thủy, Công Trình biển.	Không Đạt
		Подрядчиком является компанией, не обладающая статусом юридического лица, специализирующаяся в области оказания консультинговых услуг, связанных с проектированием судов, морских объектов; НЕ ИМЕЕТ опыта оказания консультинговых услуг в области проектирования и технадзора за судами, морскими объектами	Не соотв.
	2.1.1.2	- Nhà thầu đã từng thực hiện công việc tư vấn hoán cải/thiết kế hoán cải trên các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước (cung cấp danh sách các công trình đã thực hiện).	Đạt
		- Подрядчик оказывал консалтинговые услуги, связанным с переоборудованием/проектированием морских судов, морских объектов судоходных компаний, нефтегазовых компаний на территории страны (предоставить список завершенных объектов).	Соотв.
		- Nhà thầu chưa từng thực hiện công việc tư vấn hoán cải/thiết kế hoán cải trên các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước.	Không Đạt
		- Подрядчик не оказывал консалтинговые услуги, связанным с переоборудованием/проектированием морских судов, морских объектов судоходных компаний, нефтегазовых компаний на территории страны.	Не соотв.
	2.1.1.3	- Có chương trình tính toán có chứng chỉ tương ứng. Đảm bảo độ tin cậy của kết quả tính toán thỏa mãn đăng kiểm trong khối IACS/VR đáp ứng công việc. (Cung cấp các chứng chỉ liên quan).	Đạt
		- Наличие программы для проведения расчетов с соответствующими сертификатами. Обеспечение достоверности результатов расчета для соответствия требованиям Регистра IACS/VR, соответствующая требованиям выполнения работ (предоставить соответствующие сертификаты).	Соотв.
		- Không có chương trình tính toán có chứng chỉ tương ứng. Không đảm bảo độ tin cậy của kết quả tính toán thỏa mãn đăng kiểm trong khối IACS/VR đáp ứng công việc. (Cung cấp các chứng chỉ liên quan).	Không Đạt
		- Отсутствует программа для проведения расчетов с соответствующими сертификатами. НЕ Обеспечение достоверности результатов расчета для соответствия требованиям Регистра IACS/VR, соответствующая требованиям выполнения работ (предоставить соответствующие сертификаты).	Не соотв.
	2.1.2	<b>Đánh giá năng lực kinh nghiệm của nhà thầu</b>	<b>Đạt/không đạt</b>
		<b>Оценка технических возможностей и опыта подрядчиков</b>	<b>Соотв./Не соотв.</b>
	2.1.2.1	Nhà thầu cung cấp các quy trình thực hiện, nhân sự có trình độ có chứng chỉ tương ứng. Đảm bảo độ tin cậy của kết quả tính toán.	Đạt
		Подрядчик предоставляет процедуры выполнения, квалифицированный персонал с соответствующими сертификатами. Обеспечение достоверности результатов расчетов.	Соотв.
		Nhà thầu không cung cấp các quy trình thực hiện, nhân sự có trình độ có chứng chỉ tương ứng. KHÔNG đảm bảo độ tin cậy của kết quả tính toán.	Không Đạt
		Подрядчик не предоставляет процедуры выполнения, квалифицированный персонал и соответствующие сертификаты. Не обеспечивается достоверность результатов расчетов.	Не соотв.

			<b>2.1.2.2</b>	Có kinh nghiệm thiết kế các hệ thống và tính toán ổn định, ổn định tai nạn, tính toán sức bền kết cấu cho các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước.	Đạt
				Имеется опыт проектирования судовых систем, а также выполнения расчётов остойчивости, аварийной остойчивости и прочности конструкций морских судов и морских сооружений для отечественных судоходных и нефтегазовых компаний.	Соотв.
				Không kinh nghiệm thiết kế các hệ thống và tính toán ổn định, ổn định tai nạn, tính toán sức bền kết cấu cho các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước.	Không Đạt
				Не имеется опыт проектирования судовых систем, а также выполнения расчётов остойчивости, аварийной остойчивости и прочности конструкций морских судов и морских сооружений для отечественных судоходных и нефтегазовых компаний.	Не соотв.
			<b>2.1.3</b>	<b>Làm rõ HSDT (nếu cần) để đánh giá các HSDT được chính xác và đầy đủ .</b>	<b>Đạt/không đạt</b>
				<b>Пояснение к тендерному предложению (при необходимости) для полной и точной оценки тендерных предложений</b>	<b>Соотв./Не соотв.</b>
			<b>2.1.3.1</b>	<b>Kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu đáp ứng yêu cầu</b>	
				<b>Соответствие требованиям фактически имеющихся возможностей подрядчика</b>	
				Kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu đáp ứng yêu cầu	Đạt
				Фактически проверенные возможности подрядчика отвечают требованиям	Соотв.
				Kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu	Không Đạt
				Фактически проверенные возможности подрядчика не отвечают требованиям	Не соотв.
<b>II</b>	<b>Kết luận:</b>				<b>Đạt/không đạt</b>
	<b>Заключение:</b>				<b>Соотв./Не соотв.</b>
				Nhà thầu đạt tất cả tiêu chuẩn trên.	Đạt
				Подрядчик соответствует всем критериям.	Соотв.
				Nhà thầu không đạt 1 trong các tiêu chuẩn trên.	Không Đạt
				Подрядчик не соответствует хотя бы одному из критериев.	Не соотв.

**Tổ chuyên gia/Рабочая группа:**

**Trưởng P. BDKT-SC**  
**Начальник ОТОиР**

**Mai Phương Nam**

**Phó P. BDKT-SC**  
**Зам. Начальника ОТОиР**

**Phạm Văn Hùng**

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Lưu Hoài Sơn**

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Trần Văn Hà**

**Kỹ sư P. BDKT-SC**  
**Инженер ОТОиР**

**Nguyễn Đàm Thọ**



BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT HỒ SƠ DỰ THẦU  
ĐƠN HÀNG TƯ VẤN THIẾT KẾ PHỤC HỒI HỒ SƠ SÂN BAY TRỰC THĂNG TRÊN TÀU TRƯỜNG SA NĂM 2026  
КРИТЕРИИ ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ

ЗАЯВКА НА ОКАЗАНИЕ КОНСУЛЬТАТИВНЫХ УСЛУГ ДЛЯ СОСТАВЛЕНИЯ ПРОЕКТА ПО ВОССТАНОВЛЕНИЮ ДОКУМЕНТАЦИИ НА ВЕРТОЛЕТНУЮ ПЛОЩАДКУ СУДНА «TRUONG SA» В 2026 ГОДУ

STT			Tiêu chí Критерий	Nội dung chào hàng Содержание предложения	MỨC ĐIỂM QUY ĐỊNH TRONG HSMТ БАЛЛ УКАЗАННЫЙ ТЕНДЕРНОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ				Nhà Thầu 1 / Участник тендера № 1				Ghi chú Примечание
Mức 1 Ур. 1	Mức 2 Ур. 2	Mức 3 Ур. 3			Điểm mức 1	Mức 1 Ур. 1	Mức 2 Ур. 2	Điểm tỷ trọng mức 3	Điểm mức 1	Mức 1 Ур. 1	Mức 2 Ур. 2	Điểm tỷ trọng mức 3	
					Bалл Уровня 1-й	Процент 1-ого уровня (%)	Процент 2-ого уровня (%)	Балл 3- его уровня	Bалл Уровня 1-й	Процент 1-ого уровня (%)	Процент 2-ого уровня (%)	Балл 3- его уровня	
1			Yêu cầu năng lực kinh nghiệm của nhà thầu (Theo mục 2.1 yêu cầu kỹ thuật). Требования к возможности и опыту подрядчика (в соответствии с пунктом 2.1 технических требований)		25	25%	100%						
	1.1		Số lượng hợp đồng dịch vụ tư vấn tương tự đã thực hiện. (Việc chấm điểm được căn cứ trên số lượng hợp đồng tư vấn tương tự, mức độ tương tự về phạm vi và nội dung công việc, và tính hợp lệ của hồ sơ chứng minh (hợp đồng, nghiệm thu, phê duyệt của đăng kiểm) Количество заключенных аналогичных контрактов на оказание консультационных услуг. (Оценка производится на основании количества аналогичных консультационных договоров, степени сходства по объёму и содержанию работ, а также действительности и полноты подтверждающей документации (договоры, акты приёмки, одобрения классификационного общества).)				70%	100%					Các hợp đồng được coi là hợp lệ khi nhà thầu cung cấp đầy đủ hợp đồng, biên bản nghiệm thu và tài liệu thể hiện việc phê duyệt của đăng kiểm thuộc IACS hoặc VR Контракты считаются действительными при условии, что подрядчик предоставляет полный комплект договорной документации, акты приёмки выполненных работ и документы, показывающих одобрение со стороны классификационного общества, входящего в IACS, либо Вьетнамского регистра (VR).
		1.1.1		Đã thực hiện từ 02 Hợp đồng trở lên tương tự về tư vấn hoán cải/thiết kế hoán cải trên các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước, hoàn thành trong 5 năm gần nhất В течение последних 5 лет выполнено не менее 02 аналогичных контрактов по консультированию по переоборудованию / проектированию переоборудования морских судов и морских сооружений для отечественных судоходных и нефтегазовых компаний.				100					

		1.1.2		<p>Đã thực hiện 01 Hợp đồng tương tự về tư vấn hoàn cải/thiết kế hoàn cải trên các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước, hoàn thành trong 5 năm gần nhất</p> <p>В течение последних 5 лет выполнен 01 аналогичный контракт по консультированию по переоборудованию / проектированию переоборудования морских судов и морских сооружений для отечественных судоходных и нефтегазовых компаний.</p>				80						
		1.1.3		<p>Đã thực hiện 01 Hợp đồng trở lên về tư vấn hoàn cải/thiết kế hoàn cải trên các tàu biển, Công Trình biển của các công ty tàu biển, công ty dầu khí trong nước, tuy nhiên chưa từng thực hiện Hợp đồng tương tự về tính toán bền kết cấu sân bay trực thăng hoặc thiết kế sân bay trực thăng trên tàu biển hoặc công trình biển đã được đăng kiểm trong khối IACS hoặc VR phê duyệt), hoàn thành trong 5 năm gần nhất.</p> <p>В течение последних 5 лет выполнен 01 аналогичный контракт по консультированию по переоборудованию / проектированию переоборудования морских судов и морских сооружений для отечественных судоходных и нефтегазовых компаний; при этом отсутствует опыт выполнения аналогичных контрактов по расчёту прочности конструкций вертолётной площадки либо по проектированию вертолётной площадки на морских судах или морских сооружениях, одобренных классификационными обществами, входящими в IACS, либо Вьетнамским регистром (VR).</p>				30						
	1.2		<p><b>Tương tự về độ phức tạp, yêu cầu kỹ thuật, đối tượng phục vụ</b></p> <p><b>Аналогичные по уровню сложности, техническим требованиям и объекту обслуживания.</b></p>			30%	100%							
		1.2.1		<p>Có 02 Hợp đồng trở lên đã thực hiện tương tự về tính toán bền kết cấu phục hồi hoặc thiết kế mới sân bay trực thăng trên tàu biển đã được đăng kiểm trong khối IACS hoặc VR phê duyệt.</p> <p>Имеется 02 и более выполненных аналогичных контракта по расчёту прочности конструкций при восстановлении либо по проектированию новой вертолётной площадки на морском судне, одобренных классификационными обществами, входящими в IACS, либо Вьетнамским регистром (VR).</p>				100						
		1.2.2		<p>Có 01 Hợp đồng đã thực hiện tương tự về tính toán bền kết cấu phục hồi hoặc thiết kế mới sân bay trực thăng trên công trình biển đã được đăng kiểm trong khối IACS hoặc VR phê duyệt.</p> <p>Имеется 01 выполненный аналогичный контракт по расчёту прочности конструкций при восстановлении либо по проектированию новой вертолётной площадки на морском сооружении, одобренный классификационным обществом, входящим в IACS, либо Вьетнамским регистром (VR).</p>				80						
2			<p><b>Kinh nghiệm trong điều kiện tương đương)</b></p> <p><b>Опыт работы в эквивалентных условиях.</b></p>		25	25%	100%							
	2.1		<p><b>Các hợp đồng đã thực hiện trước đây</b></p> <p><b>Ранее выполненные контракты.</b></p>			60%	100%							
		2.1.1		<p>Đã thực hiện 03 hợp đồng trở lên trong môi trường Offshore / công trình biển / làm việc với đăng kiểm / tiêu chuẩn quốc tế</p> <p>Выполнено 03 и более контрактов в условиях офшорной деятельности / морских сооружений / работы с классификационными обществами / применения международных стандартов.</p>				100						



		2.1.2	Đã thực hiện 02 hợp đồng trong môi trường Offshore / công trình biển / làm việc với đăng kiểm / tiêu chuẩn quốc tế nhưng ở mức độ hạn chế Выполнено 02 контракта в условиях офшорной деятельности / морских сооружений / работы с классификационными обществами / применения международных стандартов, однако в ограниченном объеме.				90					
		2.1.2	Đã thực hiện 01 hợp đồng trong môi trường Offshore / công trình biển / làm việc với đăng kiểm / tiêu chuẩn quốc tế nhưng ở mức độ hạn chế Выполнен 01 контракт в условиях офшорной деятельности / морских сооружений / работы с классификационными обществами / применения международных стандартов, однако в ограниченном объеме.				80					
	2.2		<b>Kết quả thực hiện hợp đồng trước đây</b> <b>Результаты выполнения предыдущих контрактов.</b>			40%	100%					
		2.2.1	Đã hoàn thành các hợp đồng trước đây trước thời hạn, không vi phạm hợp đồng, có biên bản nghiệm thu Ранее выполненные контракты были завершены досрочно, без нарушений условий договоров, с наличием актов приемки выполненных работ.				100					
		2.2.2	Đã thực hiện đạt yêu cầu các hợp đồng trước đây: hoàn thành đúng thời hạn, có điều chỉnh nhỏ trong quá trình thực hiện nhưng không vi phạm hợp đồng, có biên bản nghiệm thu. Ранее выполненные контракты выполнены надлежащим образом: завершены в установленные сроки; в ходе исполнения имелись незначительные корректировки, не приводящие к нарушению условий договоров; имеются акты приемки выполненных работ.				90					
		2.2.3	Đã thực hiện xong các hợp đồng trước đây nhưng có vi phạm điều kiện của hợp đồng. Ранее выполненные контракты были завершены, однако имели место нарушения условий договоров.				30					
<b>3</b>			<b>Thời gian thực hiện &amp; Tổ chức sản xuất (Theo mục 2.5 &amp; 2.6 - yêu cầu kỹ thuật). Сроки выполнения и организация производства (в соответствии с пунктами 2.5 и 2.6 Технических требований).</b>	<b>10</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>						
	3.1		<b>Thời gian thực hiện Сроки выполнения</b>			70%	100%					
		3.1.1	Thời gian hoàn thành các dịch vụ nhà thầu chào theo đúng thời gian ghi trong hồ sơ mời thầu. Срок завершения услуг, предлагаемых подрядчиком, соответствует срокам, установленным в тендерной документации.				90					
		3.1.2	Thời gian hoàn thành các dịch vụ của nhà thầu thấp hơn 5% so với thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu. Срок завершения услуг подрядчика меньше на 5 % по сравнению со сроком, установленным в тендерной документации.				100					
		3.1.3	Thời hạn thực hiện dịch vụ nhà thầu chào lớn hơn thời gian ghi trong hồ sơ mời thầu. Срок выполнения услуг, предложенный подрядчиком, превышает срок, установленный в тендерной документации.				0					
	3.2		<b>Tổ chức sản xuất (Theo mục 3 - yêu cầu kỹ thuật). Организация производства (в соответствии с пунктом 3 Технических требований).</b>			30%	100%					

		3.2.1	<p>Có kế hoạch đầy đủ tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng đầy đủ điều kiện thực hiện gói thầu, chi tiết gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế hoạch thực hiện tiến độ</li> <li>• Quy trình kiểm soát và theo dõi tiến độ cho các hạng mục công việc</li> <li>• Phân công trách nhiệm phù hợp với phạm vi dịch vụ</li> </ul> <p>Имеется полный план организации производства, соответствующий техническим требованиям и полностью удовлетворяющий условиям выполнения пакета работ, включая: План выполнения работ и график реализации; Процедуры контроля и мониторинга хода выполнения работ по отдельным этапам; Распределение ответственности в соответствии с объемом предоставляемых услуг.</p>				100					
		3.2.2	<p>Có kế hoạch chưa đầy đủ tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng đầy đủ điều kiện thực hiện gói thầu, chi tiết gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế hoạch thực hiện tiến độ</li> <li>• Quy trình kiểm soát và theo dõi tiến độ cho các hạng mục công việc</li> <li>• Phân công trách nhiệm phù hợp với phạm vi dịch vụ</li> </ul> <p>Имеется план организации производства, представленный не в полном объеме, однако соответствующий техническим требованиям и удовлетворяющий условиям выполнения пакета работ, включая: План выполнения работ и график реализации; Процедуры контроля и мониторинга хода выполнения работ по отдельным этапам; Распределение ответственности в соответствии с объемом предоставляемых услуг.</p>				80					
		3.2.3	<p>Không có kế hoạch, tổ chức sản xuất và khả năng thực hiện công tác tổ chức bao gồm "Thực hiện tiến độ, quy trình kiểm soát tiến độ cho các hạng mục công việc sẽ thực hiện".</p> <p>Отсутствует план и организация производства, а также отсутствуют возможности по организации выполнения работ, включая планирование сроков выполнения и процедуры контроля хода реализации по предусмотренным видам работ.</p>				0					
4			<p><b>Yêu cầu về bằng cấp, năng lực, kinh nghiệm của nhân sự - (Theo mục 2.1 &amp; 2.2 - yêu cầu kỹ thuật).</b></p> <p><b>Требования к образованию, квалификации и опыту персонала (в соответствии с пунктами 2.1 и 2.2 Технических требований).</b></p>	25	25%	100%						
	4.1		<p><b>Chương trình tính toán có chứng chỉ tương ứng. Đảm bảo độ tin cậy của kết quả tính toán. Сертифицированная программа для расчетов. Обеспечение достоверности результатов расчетов.</b></p>			40%	100%					
		4.1.1	<p>Có chương trình tính toán có chứng chỉ tương ứng đáp ứng công việc được kiểm chứng, phê duyệt bởi các cấp đăng kiểm trong khối IACS/VR.</p> <p>Имеется расчётное программное обеспечение, имеющее соответствующие сертификаты, применимое для выполняемых работ и прошедшее проверку и одобрение классификационными обществами, входящими в IACS, либо Вьетнамским регистром (VR).</p>				100					



		4.1.2		Có chương trình tính toán có chứng chỉ tương ứng đáp ứng công việc nhưng chưa được kiểm chứng, phê duyệt bởi các cấp đăng kiểm trong khối IACS/VR. Имеется расчётное программное обеспечение, имеющее соответствующие сертификаты и пригодное для выполнения работ, однако не прошедшее проверку и не одобренное классификационными обществами, входящими в IACS, либо Вьетнамским регистром (VR).				80					
	4.2		<b>Trình độ nhân sự thực hiện (Kinh nghiệm) Квалификация персонала, привлекаемого к выполнению работ (опыт).</b>				30%	100%					
		4.2.1		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm trên 10 năm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Инженеры подрядчика имеют более 10 лет опыта работы в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике.				100					
		4.2.2		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm từ 5 năm đến dưới 9 năm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Инженеры подрядчика имеют опыт работы от 5 до менее 9 лет в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике.				50-90					Mỗi năm tăng 10 điểm За каждый дополнительный год начисляется 10 баллов.
		4.2.3		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm dưới 5 năm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Инженеры подрядчика имеют опыт работы менее 5 лет в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике.				10-40					Mỗi năm tăng 10 điểm За каждый дополнительный год начисляется 10 баллов.
	4.3		<b>Số lượng nhân sự có kinh nghiệm thực hiện Количество персонала, имеющего опыт выполнения работ.</b>				30%	100%					
		4.3.1		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Nhân lực thực hiện công việc tư vấn, thiết kế này là từ 10 người trở lên. Инженеры подрядчика имеют опыт работы в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике. Численность персонала, привлекаемого для выполнения консультационных и проектных работ, составляет 10 человек и более.				100					
		4.2.2		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Nhân lực thực hiện công việc tư vấn, thiết kế này là từ 08-09 người. Инженеры подрядчика имеют опыт работы в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике. Численность персонала, привлекаемого для выполнения консультационных и проектных работ, составляет 08-09 человек.				80-90					Tăng mỗi người tăng 10 điểm За каждого дополнительного специалиста начисляется 10 баллов.
		4.2.3		Kỹ sư của nhà thầu có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế tàu, có chuyên môn máy tàu/vỏ tàu/điện tàu. Nhân lực thực hiện công việc tư vấn, thiết kế này là từ 06-07 người. Инженеры подрядчика имеют опыт работы в области консультирования и проектирования судов, с профильной специализацией по судовым механизмам / корпусу судна / судовой электроэнергетике. Численность персонала, привлекаемого для выполнения консультационных и проектных работ, составляет 06-07 человек.				60-70					Tăng mỗi người tăng 10 điểm За каждого дополнительного специалиста начисляется 10 баллов.



5			Tài liệu kỹ thuật (Theo mục 5 & 6 - yêu cầu kỹ thuật). Техническая документация (в соответствии с пунктами 5 и 6 Технических требований).		15	15%	100%						
	5.1		Yêu cầu tài liệu trong chào thầu (Theo mục 5 - yêu cầu kỹ thuật). Требования к документации, представляемой в тендерном предложении (в соответствии с пунктом 5 Технических требований).				30%	100%					
		5.1.1		Cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu Обязательство по предоставлению полного комплекта документации в соответствии с установленными требованиями.				100					
		5.1.2		Cam kết cung cấp tài liệu chưa đầy đủ theo yêu cầu, nhưng không ảnh hưởng đến việc đánh giá Обязательство по предоставлению документации в неполном объеме по сравнению с установленными требованиями, однако без влияния на процесс и результаты оценки.				80					
		5.1.3		Không cam kết cung cấp tài liệu theo yêu cầu Отсутствует обязательство по предоставлению документации в соответствии с установленными требованиями.				0					
	5.2		Yêu cầu về hồ sơ tài liệu khi hoàn thành dịch vụ (Theo mục 6 - yêu cầu kỹ thuật). Требования к составу документации по завершении оказания услуг (в соответствии с пунктом 6 Технических требований).				70%	100%					
		5.2.1		Cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu Обязательство по предоставлению полного комплекта документации в соответствии с установленными требованиями.				100					
		5.2.2		Không cam kết cung cấp tài liệu theo yêu cầu Отсутствует обязательство по предоставлению документации в соответствии с установленными требованиями.				0					R
TỔNG/ ИТОГО					100								
KẾT QUẢ/ РЕЗУЛЬТАТ					ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT COOTB. / HE COOTB.				ĐẠT/ KHÔNG ĐẠT COOTB. / HE COOTB.				

Ghi chú: R (Rejected): Tiêu chí bắt buộc, chào hàng được đánh giá không đạt nếu số điểm tiêu chí này= 0  
Примечание: R (Rejected): Обязательный критерий, предложение признаётся несоответствующим, если по данному критерию выставлено 0 баллов.

**ĐÁNH GIÁ/ОЦЕНКА:**

- Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi được đánh giá không vi phạm điều kiện tiên quyết, không có bất kỳ tiêu chí bắt buộc (R ) nào được đánh giá 0 điểm và có tổng số điểm >=80 điểm.  
1. Предложение оценивается как «Удовлетворительно» ТТ, если оно не нарушает ни одного из дисквалифицированных критериев без каких-либо обязательных критериев (R) оценивается «0» и имеет общий балл >= 80 баллов.
- Chào hàng đánh giá KHÔNG ĐẠT YCKT khi vi phạm bất kỳ điều kiện tiên quyết nào hoặc bất kỳ tiêu chí bắt buộc nào có điểm đánh giá=0 (R) và/hoặc có số điểm<80 điểm  
2. Предложение оценивается как «Неудовлетворительно» ТТ если оно нарушает любой из дисквалифицированных условий или любой обязательный критерий (R) и/или имеет общий балл <80 баллов.

Tổ chuyên gia/Рабочая группа:

Trưởng P. BDKT-SC  
Начальник ОТОиР

Mai Phuong Nam

Phó P. BDKT-SC  
Зам. Начальника ОТОиР

Phạm Văn Hùng

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Lưu Hoài Sơn**

**Chuyên viên P. BDKT-SC**  
**Специалист ОТОиР**

**Trần Văn Hà**

**Kỹ sư P. BDKT-SC**  
**Инженер ОТОиР**

**Nguyễn Đàm Thọ**

